

用提示词完成句子



Dùng từ trong ngoặc
để hoàn thành câu



1

他学习不努力，这让妈妈
_____ (担心)



2

这双皮鞋有点
儿小，让他
_____ (舒服)

成绩不好



3

她又聪明又热
情，叫人
_____ (喜欢)



4

这个消息使我
很
_____ (高兴)



(高兴)

